

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 03 năm 2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHỖ	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Văn Dục	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/07/2016)
Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/07/2016)
Ông Phạm Văn Chung	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16/05/2016)
Ông Đào Xuân Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25/01/2016)
Ông Kim Thành Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25/01/2016)
Ông Nguyễn Văn Ngôn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25/01/2016; miễn nhiệm ngày 22/7/2016)
Bà Nguyễn Thị Nghĩa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25/01/2016)
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/05/2016)
Ông Ngô Đức Trung	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/07/2016; miễn nhiệm ngày 21/10/2016)
Ông Phạm Quang Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22/07/2016; miễn nhiệm ngày 18/10/2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Chung	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 12/5/2016)
Ông Trương Văn Hiến	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/5/2016; miễn nhiệm ngày 20/7/2016)
Ông Ngô Đức Trung	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/7/2016; miễn nhiệm ngày 21/10/2016)
Ông Trần Văn Huyền	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/10/2016; miễn nhiệm ngày 15/11/2016)
Bà Nguyễn Thị Nghĩa	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/11/2016)
Ông Nguyễn Thành Biên	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/5/2016)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Vương Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/04/2016)
	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/08/2016; miễn nhiệm ngày 06/02/2017)

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm chính thức các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

10-11-12

10-11-12

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Nghĩa
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Số: 82/2017/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31/03/2017 từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2016, Công ty chưa tách riêng thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty chưa loại trừ chi phí thương hiệu Sông Đà phân bổ vào giá vốn với số tiền khoảng 5 tỷ đồng khỏi chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, số thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính đang bị ghi nhận thiếu vào kết quả kinh doanh năm 2016 khoảng 2,2 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong Báo cáo kiểm toán số 56 ngày 20/3/2016 về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí IMICO với số tiền dự phòng ước tính khoảng 1,9 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này trong năm 2016.



Ngô Việt Thanh

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1687-2015-055-1

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1396-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN		341.385.185.900	46.687.902.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	65.081.844.514	10.321.374.081
1. Tiền		5.010.177.846	10.321.374.081
2. Các khoản tương đương tiền		60.071.666.668	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn		56.844.144.190	34.224.266.415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.783.163.781	4.535.597.532
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	44.770.200.352	12.564.337.383
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	10.000.000.000	16.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác		712.365.709	1.124.331.500
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(4.421.585.652)	-
III. Hàng tồn kho	9	203.648.505.034	1.880.320.312
1. Hàng tồn kho		203.648.505.034	1.880.320.312
IV. Tài sản ngắn hạn khác		15.810.692.162	261.941.510
1. Thuế GTGT được khấu trừ		15.810.692.162	261.941.510
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		383.924.127.447	598.057.019.970
I. Các khoản phải thu dài hạn		6.077.500.000	-
1. Trả trước cho người bán dài hạn	7	16.353.193.822	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	11	(10.275.693.822)	-
II. Tài sản cố định		1.911.917.723	364.414.449
1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.911.917.723	364.414.449
- Nguyên giá		2.302.167.273	1.703.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		(390.249.550)	(1.339.545.551)
III. Tài sản dở dang dài hạn		371.591.154.350	569.689.282.080
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	371.591.154.350	569.689.282.080
IV. Tài sản dài hạn khác		4.343.555.374	28.003.323.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	13	457.116.543	23.880.430.919
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25	3.886.438.831	4.122.892.522
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		725.309.313.347	644.744.922.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã Thuyết	số minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn		310		377.996.680.619	130.535.895.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	14	35.089.124.451	114.285.825.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		198.881.190.694	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	4.070.977.479	4.359.782.973
4. Phải trả người lao động		314		1.397.718.887	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	16	63.054.665.030	10.059.095.358
6. Phải trả ngắn hạn khác		319	17	10.728.989.118	126.592.964
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn		320	18	64.774.014.960	1.704.598.960
II. Nợ dài hạn		330		251.140.478.715	419.585.491.973
1. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		216.640.478.715	417.085.491.973
2. Phải trả dài hạn khác		337		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn		338	18	32.000.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		96.172.154.013	94.623.534.707
I. Vốn chủ sở hữu		410	19	96.172.154.013	94.623.534.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		93.170.000.000	93.170.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		93.170.000.000	93.170.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		3.002.154.013	1.453.534.707
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm		421a		1.453.534.707	1.366.323.508
trước					
- LNST chưa phân phối năm nay		421b		1.548.619.306	87.211.199
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		725.309.313.347	644.744.922.288

Bùi Thị Vân

Người lập

Bùi Thị Vân

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nghĩa

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	463.633.940.498	7.598.751.768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		463.633.940.498	7.598.751.768
4. Giá vốn hàng bán	11	21	442.970.793.997	7.598.751.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.663.146.501	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		611.836.742	79.891.969
7. Chi phí tài chính	22		261.836.742	77.895.861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		261.836.742	77.895.861
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	14.697.279.474	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.315.867.027	1.996.108
11. Thu nhập khác	31		16.861.944	169.284.500
12. Chi phí khác	32	23	3.521.576.864	59.471.378
13. Lợi nhuận khác	40		(3.504.714.920)	109.813.122
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.811.152.107	111.809.230
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.026.079.110	4.147.490.553
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	236.453.691	(4.122.892.522)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.548.619.306	87.211.199
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	166	9

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập



Bùi Thị Vân

Quyền Kế toán trưởng



Bùi Thị Vân

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.811.152.107	111.809.230
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	138.299.690	-
- Các khoản dự phòng	03	14.697.279.474	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(611.836.742)	(144.891.969)
- Chi phí lãi vay	06	261.836.742	77.895.861
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.296.731.271	44.813.122
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(50.892.165.697)	(5.911.116.938)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.670.056.992)	(323.149.188.404)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(20.201.126.927)	468.374.030.881
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	23.423.314.376	(8.604.102.051)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.800.763.229)	(946.287.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.324.598.031)	(82.612.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.349.223.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.887.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(45.168.665.229)	131.187.590.111
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.802.367.273)	(175.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	116.564.309	65.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	16.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	545.522.626	79.891.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.859.719.662	(16.030.108.031)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	202.827.195.670	128.996.348.341
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(107.757.779.670)	(234.136.596.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.069.416.000	(105.140.248.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	54.760.470.433	10.017.234.040
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.321.374.081	304.140.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	65.081.844.514	10.321.374.081

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập

Quyền Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Bùi Thị Vân

Bùi Thị Vân

Nguyễn Thị Nghĩa

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104036924 ngày 07/07/2009 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 15/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty là HH6 Khu đô thị Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 93.170.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) tương ứng là 9.317.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh bất động sản; công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; công trình hạ tầng kỹ thuật; các dịch vụ nhà ở, khu đô thị;
- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ du lịch;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện và công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị xây dựng, sản phẩm công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200, Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng, việc không trình bày thuyết minh về công cụ tài chính không ảnh hưởng trọng yếu đến việc cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính. Ban giám đốc Công ty sẽ thực hiện trình bày các thông tin này khi Chuẩn mực và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính được ban hành.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị quản lý	03

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, sửa chữa văn phòng, chi phí thương hiệu Sông Đà và các chi phí liên quan tới công tác quản lý để triển khai dự án HH6.

Công ty tập hợp toàn bộ các chi phí liên quan tới công tác quản lý bao gồm chi phí tiền lương, giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư phụ tùng loại nhỏ đã xuất dùng, khấu hao tài sản cố định và các chi phí quản lý khác vào chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí này được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào thời điểm cuối kỳ kế toán và sẽ được phân bổ vào giá vốn hàng bán khi phát sinh doanh thu từ chuyển giao bất động sản.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống. Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả thầu phụ; trích trước giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán được trích trước trên cơ sở dự toán đầu tư, xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng, để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay,... trong đó tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...). Từ năm 2015, toàn bộ các chi phí phát sinh đều phục vụ cho công tác quản lý và triển khai dự án căn hộ tại HH6 nên Công ty tập hợp các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh vào chi phí trả trước sau đó kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào thời điểm cuối kỳ kế toán để phân bổ vào giá vốn bán căn hộ khi phát sinh doanh thu.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 27.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.179.565.591	429.064.304
Tiền gửi ngân hàng	2.830.612.255	9.892.309.777
Các khoản tương đương tiền (*)	60.071.666.668	-
Cộng	65.081.844.514	10.321.374.081

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Liên Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Bên liên quan)	-	114.011.880
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	1.709.602.652	1.709.602.652
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí IMICO	2.711.983.000	2.711.983.000
Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và KCN Sông Đà	760.437.737	-
Các khách hàng khác	601.140.392	-
Cộng	<u>5.783.163.781</u>	<u>4.535.597.532</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	44.770.200.352	12.564.337.383
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Bên liên quan	-	7.804.826.666
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	3.101.907.517
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	15.835.873.444	-
Công ty CP Cơ khí và Thương mại Nam Hà	8.925.306.200	-
Công ty CP Thiết bị và Công nghiệp Thiên Ý	12.969.250.000	-
Công ty TNHH kỹ nghệ Toàn Tâm	5.034.450.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.005.320.708	1.657.603.200
Dài hạn	16.353.193.822	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.198.193.822	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	12.155.000.000	-
Cộng	<u>61.123.394.174</u>	<u>12.564.337.383</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Sun.DC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần South Thăng Long (*)	10.000.000.000	-
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>16.000.000.000</u>

(*): Là khoản cho Công ty Cổ phần South Thăng Long vay với số tiền 10 tỷ đồng theo Hợp đồng cho vay vốn ngày 22/12/2016 với thời hạn 6 tháng, lãi suất 3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	159.346.668	-
Chi phí SXKD dở dang	59.022.675	-	1.720.973.644	-
Thành phẩm bất động sản (*)	203.589.482.359	-	-	-
Cộng	203.648.505.034	-	1.880.320.312	-

(*): Năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tòa 18 T1 và 18T2 thuộc dự án đầu tư xây dựng khu chung cư cao tầng dịch vụ thương mại HH6 tại lô HH6 khu đô thị mới Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội và đang thực hiện bàn giao cho khách hàng theo các hợp đồng đã thỏa thuận. Công ty phản ánh giá trị các căn hộ còn lại, kiot chưa bàn giao cho khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 ở chi tiêu thành phẩm bất động sản.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	175.000.000	1.204.160.000	324.800.000	1.703.960.000
Mua trong năm	-	1.766.367.273	36.000.000	1.802.367.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.204.160.000)	-	(1.204.160.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	175.000.000	1.766.367.273	360.800.000	2.302.167.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	2.916.667	1.011.828.884	324.800.000	1.339.545.551
Khấu hao trong năm	35.000.004	100.299.686	3.000.000	138.299.690
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.087.595.691)	-	(1.087.595.691)
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	37.916.671	24.532.879	327.800.000	390.249.550
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	172.083.333	192.331.116	-	364.414.449
Tại ngày 31/12/2016	137.083.329	1.741.834.394	33.000.000	1.911.917.723

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

11. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	TG quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	TG quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	> 3 năm	1.709.602.652	-	(1.709.602.652)	> 3 năm	1.709.602.652	1.709.602.652	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí IMICO (1)	> 3 năm	2.711.983.000	-	(2.711.983.000)	> 3 năm	2.711.983.000	2.711.983.000	-
Công ty CP Sông Đà-Thăng Long (2)	> 3 năm	4.198.193.822	-	(4.198.193.822)	> 3 năm	4.198.193.822	4.198.193.822	-
Công ty CP Sông Đà Nha Trang (3)	1 - 2 năm	12.155.000.000	6.077.500.000	(6.077.500.000)	<1 năm	12.155.000.000	12.155.000.000	-
Cộng		20.774.779.474	6.077.500.000	(14.697.279.474)		20.774.779.474	20.774.779.474	-

- (1) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí IMICO về tiền thi công hạng mục khoan cọc nhồi thí nghiệm thuộc Dự án Khu nhà ở văn phòng dịch vụ 136 Hồ Tùng Mậu. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty IMICO ra Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Năm 2015, Công ty IMICO đã thực hiện thanh toán cho Công ty số tiền 1 tỷ đồng và Công ty đã rút đơn khởi kiện, đồng thời Tòa án nhân dân Quận Ba Đình ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do Công ty IMICO không thực hiện trả nợ theo cam kết nên trong năm 2015, Công ty tiếp tục gửi đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thu hồi được khoản công nợ nêu trên.
- (2) Là giá trị góp vốn quyền mua 03 căn hộ dự án U-Silk do Công ty Cổ phần Thăng Long làm chủ đầu tư được phân loại từ chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2015 sang. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, dự án nêu trên bị chậm tiến độ so với kế hoạch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền trả trước này khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng với tỉ lệ 100% số dư trả trước phù hợp với quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.
- (3) Là tiền chuyển theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang trong năm 2015 để góp vốn mua căn hộ của Dự án Stellar Hotel&Residences do Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang làm chủ đầu tư được phân loại từ chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2015 sang. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, dự án này bị chậm tiến độ so với kế hoạch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền trả trước này khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng với tỉ lệ 50% số dư trả trước phù hợp với quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại thời điểm 31/12/2016 là giá trị quyền sử dụng đất, các chi phí lãi vay và chi phí xây dựng của tòa nhà 32T thuộc dự án đầu tư xây dựng khu chung cư cao tầng dịch vụ thương mại HH6 tại lô HH6 khu đô thị mới Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí CCDC, sửa chữa văn phòng	457.116.543	1.174.237.097
- Thương hiệu Sông Đà	-	5.000.000.000
- Căn hộ U-Silk	-	4.198.193.822
- Dự án ven biển Nha Trang	-	13.508.000.000
Cộng	457.116.543	23.880.430.919

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Bên liên quan)	4.923.691.951	4.923.691.951	64.232.138.334	64.232.138.334
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	27.182.686.636	27.182.686.636	45.891.680.781	45.891.680.781
Các nhà cung cấp khác	2.982.745.864	2.982.745.864	4.162.006.238	4.162.006.238
Cộng	35.089.124.451	35.089.124.451	114.285.825.353	114.285.825.353

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế TNDN	4.147.490.553	1.026.079.110	1.324.598.031	3.848.971.632
Thuế thu nhập cá nhân	212.292.420	61.496.335	51.782.908	222.005.847
Thuế đất, tiền thuê đất	-	883.594.200	883.594.200	-
Các loại thuế khác	-	3.705.841.239	3.705.841.239	-
Cộng	4.359.782.973	5.677.010.884	5.965.816.378	4.070.977.479

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay phải trả	482.000.000	-
Tiền chuyển nhượng đất phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	5.589.650.079	10.059.095.358
Chi phí phải trả liên quan đến tòa 18T1 và 18T2	53.239.404.451	-
Chi phí quản lý dự án HH6	2.649.500.000	-
Chi phí môi giới bán nhà - tòa 32T	1.094.110.500	-
Cộng	<u>63.054.665.030</u>	<u>10.059.095.358</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	10.728.989.118	126.592.964
- Kinh phí công đoàn	27.300.464	74.087.348
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	55.348.358	-
- Phí bảo trì tòa nhà 18T1, 18T2	7.756.560.007	-
- Phải trả Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (bên liên quan)	2.096.230.289	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	793.550.000	52.505.616
Dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	<u>13.228.989.118</u>	<u>2.626.592.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.704.598.960	1.704.598.960	71.040.151.109	7.970.735.109	64.774.014.960	64.774.014.960
Ông Trần Văn Huyền - Bên liên quan	-	-	6.640.151.109	6.640.151.109	-	-
Các cá nhân khác	1.704.598.960	1.704.598.960	-	1.330.584.000	374.014.960	374.014.960
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	64.400.000.000	-	64.400.000.000	64.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàng Mai (1)	-	-	64.400.000.000	-	64.400.000.000	64.400.000.000
Vay dài hạn	-	-	196.187.044.561	164.187.044.561	32.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng Liên Việt - CN Thăng Long	-	-	66.187.044.561	66.187.044.561	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàng Mai (1)	-	-	130.000.000.000	98.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	1.704.598.960	1.704.598.960	267.227.195.670	172.157.779.670	96.774.014.960	96.774.014.960

(1): Khoản vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HDTD-DTDA/VCB.HG-SDHL ngày 20/05/2016 với số tiền 130.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng nhằm mục đích tài trợ cho Dự án, lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Dự án HH6 giai đoạn 2 (không bao gồm các nhà ở đã bán cho người mua nhà).

Số dư Nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm 31/12/2016 là số tiền Công ty đã trả trước hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2017 (ngày lập báo cáo tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	93.170.000.000	1.366.323.508	94.536.323.508
Lãi trong năm	-	87.211.199	87.211.199
Tại ngày 01/01/2016	93.170.000.000	1.453.534.707	94.623.534.707
Lãi trong năm	-	1.548.619.306	1.548.619.306
Tại ngày 31/12/2016	93.170.000.000	3.002.154.013	96.172.154.013

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chi tiết vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	Số tiền VND	Tỷ lệ
Ông Trần Văn Huyền	79.064.000.000	84,86%
Ông Dương Hoài Nam	9.317.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	4.789.000.000	5,14%
Cộng	93.170.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành (cổ phiếu)	9.317.000	9.317.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	9.317.000	9.317.000
- Cổ phần phổ thông	9.317.000	9.317.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	9.317.000	9.317.000
- Cổ phần phổ thông	9.317.000	9.317.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

20. DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm bất động sản	461.347.435.295	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	6.913.070.335
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	2.286.505.203	685.681.433
Cộng	463.633.940.498	7.598.751.768

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm bất động sản	438.637.385.056	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.720.973.644	6.913.070.335
Giá vốn cung cấp dịch vụ và khác	2.612.435.297	685.681.433
Cộng	442.970.793.997	7.598.751.768

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Là chi phí dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trong năm 2016. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt thuế	3.499.201.239	-
Các khoản khác	22.375.625	59.471.378
Cộng	3.521.576.864	59.471.378

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.811.152.107	111.809.230
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.501.511.896	-
Thu nhập chịu thuế	6.312.664.003	111.809.230
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.262.532.801	24.598.031
Thuế TNDN tạm tính của hoạt động kinh doanh BDS	(236.453.691)	4.122.892.522
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.026.079.110	4.147.490.553

Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Công ty xác định các chi phí phát sinh trong năm 2016 (bao gồm cả chi phí thương hiệu Sông Đà nhưng không gồm các khoản phạt vi phạm hành chính) đều liên quan đến hoạt động chính của Công ty và được đánh giá là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên số tiền khách hàng nộp trước theo tiến độ để mua căn hộ tại Dự án khu chung cư cao tầng dịch vụ thương mại HH6 tại lô HH6 khu đô thị mới Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội với tỷ lệ 1% phù hợp với các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản thuế này sẽ được khấu trừ trong tương lai khi Công ty xác định được doanh thu, giá vốn của từng căn hộ chuyển giao cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HOÀNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.548.619.306	87.211.199
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.548.619.306	87.211.199
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.317.000	9.317.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	166	9

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Đơn vị có chung thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Tiền điện thi công	571.297.037	393.555.976
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Tiền thi công dự án	128.019.577.632	168.127.107.466
Thu nhập của thành viên Ban Giám đốc		
Lương và các khoản thưởng	1.421.896.087	765.932.448

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Vân

Bùi Thị Vân

Nguyễn Thị Nghĩa

